

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1091/QĐ-TTg ngày 17/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 1091/QĐ-TTg ngày 17/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng giai đoạn 2026 - 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1091/QĐ-TTg ngày 17/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Phổ biến, quán triệt nội dung và cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Phân công nhiệm vụ cho các ngành, đơn vị trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao, đảm bảo 06 rõ: Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát nội dung, tiến độ, yêu cầu tại Quyết định số 1091/QĐ-TTg ngày 17/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Các sở, ngành, đơn vị, địa phương chủ động lồng ghép, cụ thể hóa các nhiệm vụ vào kế hoạch công tác năm 2026 và các năm tiếp theo; ưu tiên bố trí nguồn lực theo quy định pháp luật để bảo đảm thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ. Xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn thực hiện và sản phẩm đầu

ra, đảm bảo tính khả thi, tránh chồng chéo, hình thức.

c) Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; kịp thời tháo gỡ, giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

d) Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thường xuyên rà soát những khó khăn, vướng mắc, bất cập của cơ chế, chính sách và quy định của pháp luật; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

e) Quá trình triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ, hạ tầng số phải gắn liền với công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và an toàn dữ liệu thông tin, không để sơ hở, thiếu sót bị các đối tượng xấu lợi dụng tấn công, xâm nhập hệ thống.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược

Thu hút tối thiểu 01 doanh nghiệp công nghệ chiến lược để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng.

2. Mục tiêu phát triển hạ tầng số

Xây dựng hệ thống hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, xanh, liên thông, kết nối với dung lượng lớn, tốc độ cao, đủ năng lực tin cậy và khả dụng cao để phục vụ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo vệ chủ quyền số. Cụ thể:

- Phát triển nhanh mạng 5G, phủ sóng 99% dân số.

- Phát triển và hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung đáp ứng nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ trên phạm vi toàn quốc, đóng vai trò hạ tầng số quan trọng để phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

3. Mục tiêu phát triển dữ liệu số

- Cập nhật, xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số mở, liên thông, an toàn, đáng tin cậy, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, chia sẻ và khai thác có trách nhiệm để thúc đẩy chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển thị trường dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...).

4. Mục tiêu phát triển nhân lực số

Phát triển nhân lực số, chất lượng cao, đạt chuẩn ở các lĩnh vực trọng điểm, thông qua phương thức đào tạo lại, đào tạo nâng cao theo mô hình kết hợp giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”: Đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh

ng nghiệp và người dân thông qua các nền tảng học tập trực tuyến ứng dụng các công nghệ hiện đại như AI, VR, AR,... để giảng dạy, mô phỏng; tham gia các dự án phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

5. Mục tiêu phát triển công nghệ chiến lược

Kết nối các doanh nghiệp trong tỉnh với các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn để làm chủ, phát triển và thương mại hóa một số công nghệ chiến lược then chốt, đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm của tỉnh về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm chủ quyền công nghệ. Cụ thể:

- Giải quyết các nhiệm vụ về hệ thống trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội: tư pháp; tài chính; nông nghiệp và môi trường; văn hóa, thể thao, du lịch; giáo dục; y tế.

- Ứng dụng bản sao số trong tỉnh: Bao gồm phát triển bản đồ số quốc gia 3D, hạ tầng kỹ thuật đô thị, môi trường, giao thông, logistics, giáo dục, y tế, công thương, bản đồ dịch bệnh, công trình ngầm, không gian mặt đất, không gian vệ tinh.

- Ứng dụng tối thiểu 01 nền tảng chuỗi khối hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ chuỗi khối vào hoạt động quản trị, điều hành, sản xuất, kinh doanh.

6. Mục tiêu thúc đẩy an ninh mạng

Xây dựng năng lực an ninh mạng mang tính chủ động để bảo vệ hạ tầng số quan trọng và dữ liệu cá nhân, phát hiện, ngăn chặn, ứng phó, phục hồi sự cố nhanh, bảo đảm an toàn và giữ vững chủ quyền số. Cụ thể:

- Phát triển và hoàn thiện mạng lưới kết nối, chia sẻ thông tin giữa các Trung tâm An ninh mạng của tỉnh với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng nhằm bảo đảm khả năng giám sát, phát hiện và phản ứng sớm các cuộc tấn công mạng trên toàn quốc.

- Ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trọng điểm, chiếm lĩnh thị trường trong nước, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật

a) Rà soát, hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp có thị trường, khách hàng trong nước, ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư, đất đai, thuế; bảo đảm thị trường đầu ra cho sản phẩm; hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy, hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các

doanh nghiệp Việt Nam; ưu tiên thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước.

b) Rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, đặc biệt là các dự án đầu tư vào công nghệ cốt lõi và các lĩnh vực có tính chất nền tảng.

2. Phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược

a) Thu hút, hình thành tối thiểu 01 doanh nghiệp công nghệ chiến lược để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng.

b) Kết nối các doanh nghiệp công nghệ trong tỉnh với các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn để làm chủ, phát triển và thương mại hóa một số công nghệ chiến lược then chốt, đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm của tỉnh về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm chủ quyền công nghệ.

c) Phát triển hạ tầng viễn thông và hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung đáp ứng nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ trên phạm vi toàn quốc; đồng thời đóng vai trò hạ tầng số quan trọng để phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

d) Cập nhật, xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số mở, liên thông, an toàn, đáng tin cậy, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, chia sẻ và khai thác có trách nhiệm để thúc đẩy chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

3. Triển khai nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

a) Tổ chức triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ để lựa chọn doanh nghiệp tham gia, thực hiện tối thiểu 01 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Công khai trong hồ sơ giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp tham gia triển khai, giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải yêu cầu doanh nghiệp triển khai cam kết tỷ lệ, số lượng doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa trong nước tham gia chuỗi cung ứng thực hiện nhiệm vụ trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, phát triển thị trường cho doanh nghiệp

a) Căn cứ điều kiện thực tiễn, nhu cầu phát triển và lợi thế đặc thù trong các lĩnh

vực hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng để nghiên cứu, xem xét triển khai khu thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trước khi triển khai trên quy mô lớn.

b) Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn đặt hàng, chia sẻ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, dữ liệu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các viện, trường thông qua các dự án đồng nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ.

c) Đặt hàng, thuê, mua, sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong nước nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hiệu quả kinh tế.

5. Hợp tác và đào tạo: Tăng cường hợp tác với các trường đại học có thế mạnh về công nghệ chiến lược; áp dụng mô hình kết hợp giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” để đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

6. Đo lường, đánh giá kết quả triển khai Đề án: Triển khai hệ thống thông tin để đo lường trực tuyến và định kỳ theo dõi, đánh giá do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền cấp cơ sở theo phân cấp ngân sách hiện hành; đồng thời huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường chủ động tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính, trên cơ sở các nội dung, nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này và đề xuất của các cơ quan, đơn vị để tham mưu bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực

hiện kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng đối với các doanh nghiệp công nghệ chiến lược của địa phương.

4. Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị đầu mối, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Trường Đại học Hồng Đức;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1091/QĐ-TTG NGÀY 17/6/2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật				
1	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai, hạ tầng, nguồn lực và các chính sách hỗ trợ đầu tư; hỗ trợ các doanh nghiệp có thị trường, khách hàng trong nước, bảo đảm thị trường đầu ra cho sản phẩm.	Các sở, ban, ngành liên quan	Ban QL KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Công an tỉnh.	100% cơ chế, chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp chiến lược hoạt động trên các lĩnh vực được triển khai	Thường xuyên
2	Rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, đặc biệt là các dự án đầu tư vào công nghệ cốt lõi và các lĩnh vực có tính chất nền tảng	Sở Tài chính	Ban QL KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan.	Thực hiện các Quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư	Thường xuyên
3	Triển khai các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp trong nước tiếp nhận, làm chủ công nghệ được chuyển giao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo ra các sản phẩm,	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban QL KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Tài chính, Công an tỉnh.	Nhiệm vụ được triển khai theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	dịch vụ có giá trị gia tăng cao tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu				
4	Hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy, hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp; ưu tiên thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, các đơn vị liên quan.	01 lớp tập huấn hướng dẫn đăng ký bảo hộ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ/năm	Trước tháng 11 hằng năm
II	Phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược				
5	Phân đầu thu hút tối thiểu 01 doanh nghiệp công nghệ chiến lược để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban QL KKT Nghi sơn và các KCN, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	Phân đầu thu hút 01 doanh nghiệp công nghệ chiến lược	Giai đoạn 2026-2030
6	Kết nối các doanh nghiệp công nghệ trong tỉnh với các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn để làm chủ, phát triển và thương mại hóa một số công nghệ chiến lược then chốt, đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm của tỉnh về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm chủ quyền công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban QL KKT Nghi sơn và các KCN và các đơn vị liên quan	Hội nghị kết nối sau khi hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
7	Phát triển hạ tầng viễn thông đảm bảo là hạ tầng số quan trọng để phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành cấp tỉnh và các doanh nghiệp viễn thông	Phủ sóng di động 5G đạt tỷ lệ 60%; Internet băng thông rộng cố định tốc độ trên 1Gb/s đạt 60%	Thường xuyên
8	Cập nhật, phát triển hệ sinh thái dữ liệu số mở, liên thông, an toàn, đáng tin cậy, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, chia sẻ và khai thác có trách nhiệm để thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	Các Sở, ngành cấp tỉnh	Công an tỉnh; các đơn vị liên quan	CSDL được chuẩn hóa, chia sẻ và khai thác theo hướng dẫn của các Bộ, ngành	Thường xuyên
III	Triển khai nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật				
9	Tổ chức triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ để lựa chọn doanh nghiệp tham gia, phân đấu thực hiện tối thiểu 01 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã	Các bài toán lớn được doanh nghiệp triển khai theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ	Hàng năm
10	Công khai trong hồ sơ giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc lựa chọn doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia (nếu có) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước yêu cầu doanh nghiệp chủ trì cam kết tỷ lệ, số lượng doanh nghiệp công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã	Các cam kết của doanh nghiệp được công khai	Thường xuyên khi có nhiệm vụ

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	nhỏ và vừa trong nước tham gia chuỗi cung ứng thực hiện nhiệm vụ.				
IV	Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, phát triển thị trường cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật				
11	Nghiên cứu, xem xét triển khai thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trước khi triển khai trên quy mô lớn trên cơ sở điều kiện, nhu cầu và lợi thế đặc thù trong phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược và an ninh mạng của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã	Phân đầu triển khai được 01 sandbox	Giai đoạn 2026-2030
12	Triển khai giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn đặt hàng, chia sẻ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, dữ liệu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các viện, trường thông qua các dự án đồng nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các đơn vị liên quan.	Giải pháp được triển khai	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ
13	Nghiên cứu đề xuất đặt hàng, thuê, mua, sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong nước nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hiệu quả kinh tế	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;	Sở Khoa học và Công nghệ	Danh mục nhu cầu mua sắm/thuê dịch vụ công nghệ số; số lượng hợp đồng đặt	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
		UBND cấp xã		hàng, mua sắm, thuê dịch vụ.	
14	Xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu thực tế trong đó nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí theo nhiệm vụ, ngành nghề ưu tiên	Trường Đại học Hồng Đức	Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Danh mục ngành đào tạo công nghệ chiến lược ưu tiên; chương trình đào tạo; số lượng nhân lực được đào tạo	Thường xuyên
V	Hợp tác và đào tạo				
15	Tăng cường hợp tác với các trường đại học có thế mạnh về công nghệ chiến lược theo mô hình kết hợp giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” để đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.	Trường Đại học Hồng Đức	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	Các lớp đào tạo, tập huấn về công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.	Thường xuyên
VI	Đo lường, đánh giá kết quả triển khai				
16	Triển khai hệ thống thông tin để đo lường trực tuyến và theo dõi, đánh giá hàng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Hệ thống thông tin đưa vào sử dụng	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ